TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/KDTM-PT
Ngày: 31/12/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Quý Chi

Ông Bùi Thanh Thảo

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện VKSND tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2020/KDTM-PT ngày 10/11/2020 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*. Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM – ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV SX-TM-DV T.

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí Q – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trí K, sinh năm 1979. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cư trú tại: ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1980 (chủ hộ kinh doanh, đại lý H) (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Quan Thị H, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV SX-TM-DV T do ông Nguyễn Trí K làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do ông Lê Văn T là chủ hộ kinh doanh, đại lý H nhiều lần ký hợp đồng mua phân bón nội, ngoại nhập của Công ty TNHH MTV SX-TM-DV T nhằm mục đích bán lại cho khách hàng có như cầu sử dụng. Tuy nhiên, trong quá trình mua phân bón của Công ty, ông T còn nợ lại với số tiền là 110.400.000 đồng trên cơ sở các bên đã đối chiếu và xác nhận công nợ lập ngày 23 tháng 12 năm 2016 và ông T hẹn đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ thanh toán dứt điểm. Do ông T đến hạn nhưng không thanh toán tiền cho Công ty theo cam kết, nên ngày 02 tháng 01 năm 2017 hai bên thỏa thuận xác lập hợp đồng nguyên tắc số 112/HĐMBHH-TT/2017 trong đó ông T phải trả cho Công ty số tiền nêu trên trong hạn 15 ngày, hết thời hạn mà ông T vẫn không trả thì phải chịu lãi suất phạt quá hạn là 0,05%/ngày/tổng số tiền nợ quá hạn. Đến nay, ông T vẫn chưa thanh toán cho Công ty một khoảng tiền gốc và lãi nào cho Công ty. Nay tại phiên tòa, ông K đại diện cho Công ty yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Quan Thị H phải trả cho công ty số tiền nợ trong hợp đồng mua bán phân bón còn nợ là 110.400.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 25 tháng 11 năm 2019, ông Lê Văn T trình bày nội dung tóm tắt như sau:

Ông Lê Văn T và bà Quan Thị H trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2017. Trong quá trình còn chung sống, ông T và bà H có thành lập hộ kinh doanh H vào năm 2015, với ngành nghề buôn bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật do ông T là người đại diện theo pháp luật đứng tên chủ hộ kinh doanh. Năm 2016, hộ kinh doanh H có ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua phân bón nội ngoại nhập với Công ty TNHH SX-TM-DV T với mục đích bán lại cho người sử dụng. Trong quá trình kinh doanh, ông T và bà H có mâu thuẫn về tiền bạc nên bà H không thanh toán tiền cho Công ty. Đến ngày 23 tháng 12 năm 2016, ông T và Công ty có đối chiếu công nợ và xác nhận Hộ kinh doanh H còn nợ của Công ty số tiền là 110.400.000 đồng. Nay, Ông T đại diện cho Hộ kinh doanh H đồng ý trả khoản tiền nêu trên cho Công ty TNHH SX-TM-DV T và yêu cầu bà H phải liên đới trả 50% số tiền này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt. tuy nhiên trong quá trình thu thập chứng cứ bà H trình bày:

Bà H và ông T trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào tháng 11 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện B, Hộ kinh doanh H được thành lập từ năm 2015 với ngành nghề kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật do ông T người đại diện theo pháp luật, còn bà H là thành viên của hộ gia đình. Quá trình kinh doanh, bà H biết hộ kinh doanh H có nhập hàng phân bón nội, ngoại nhập của Công ty TNHH MTV SX-TM-DV T, nhưng số lượng bao nhiêu và bao nhiêu tiền thì bà H không biết vì ông T là người trực tiếp nhập hàng, vào sổ sách và đối chiếu công nợ với công ty. Tại thời điểm năm 2016, thì thu nhập từ kinh doanh của hộ kinh doanh H là sử dụng vào mục đích chung cho gia đình, trong đó có ông T và bà H. Tuy nhiên, tổng số nợ gốc là 110.400.000 đồng thì bà H không đồng ý liên đới cùng ông T trả nợ vì tất cả hoạt động kinh doanh là do ông T thực hiện chứ bà không biết.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM – ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH SX-TM-DV T về tranh chấp "***hợp đồng mua bán hàng hóa***".

Buộc ông Lê Văn T (chủ hộ kinh doanh H) và bà Quan Thị H phảicó nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH SX-TM-DV T số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa (phân bón) là 110.400.000 đồng. Trong đó ông Lê Văn T thanh toán số tiền là 55.200.000 đồng; bà Quan Thị H thanh toán số tiền là 55.200.000 đồng.

Đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH SX-TM-DV T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị H có đơn cáo đối với Bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm sửa theo hướng buộc ông Lê Văn T phải chịu trách nhiệm toàn bộ trả nợ cho Công ty TNHH MTV SX-TM-DV T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Quan Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị H, giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM – ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị H:

[1] Nhận thấy: Hộ kinh doanh H do ông T, bà H tạo lập vào năm 2015 trong thời hôn nhân, trong đó ông T là người đại diện theo pháp luật còn bà H là thành viên hộ, số tiền lợi nhuận kiếm được trong hoạt động kinh doanh đều phục vụ mục đích gia đình, việc nhập phân bón của Công ty TNHH MTV SX-TM-DV T thì bà H có biết, điều này được chính bà H thừa nhận tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2019 (bút lục 20-22). Hơn nữa, theo Biên bản hòa giải ngày 28/6/2020 (bút lục 32) bà H cũng đồng ý trả ½ số nợ trên cho Công ty TNHH MTV SX-TM-DV T. Bà H cho rằng: Theo Bản án Hôn nhân phúc thẩm số 01/2020/HNGĐ-PT ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thì bà và ông T đã thỏa thuận nghĩa vụ của ông T trong hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh H. Tuy nhiên, việc thỏa thuận trên không có sự đồng ý của Công ty TNHH MTV SX-TM-DV T. Do vậy, kháng cáo của bà H về việc không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền 55.200.000 đồng cho Công ty TNHH MTV SX-TM-DV T không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM – ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Quan Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị H.

Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM – ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 217của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24; 50 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 274; 280; 288; 290; 291 của Bộ luật dân sự Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH SX-TM-DV T về tranh chấp "***hợp đồng mua bán hàng hóa***".

- Buộc ông Lê Văn T (chủ hộ kinh doanh H) và bà Quan Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH SX-TM-DV T số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán hàng hóa (phân bón) là 110.400.000 đồng. Trong đó ông Lê Văn T thanh toán số tiền là 55.200.000 đồng; bà Quan Thị H thanh toán số tiền là 55.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng nguyên tắc số 112/HĐMBHH-TT/2017 ngày 02 tháng 01 năm 2017 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH SX-TM-DV T.

3. *Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Ông Lê Văn T và bà Quan Thị H mỗi người phải chịu số tiền là 2.760.000đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 4.126.000 đồng cho Công ty TNHH SX-TM-DV T đã nộp theo biên lai thu số 0019029 ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

4. *Về án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm*: Bà Quan Thị H phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019462 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

5. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *TAND huyện B;*
- *CCTHA dân sự huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hồng Hạnh